TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-PT
Ngày: 23-02-2023
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Hồng Mai;

2. Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2023/QĐ-PT, ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Kim D, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Bà D: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 04 đường Lê Lợi, phường P, thành phố Đ, Thành phố M (theo Văn bản uỷ quyền ngày 22-4-2022); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 51, tổ 6, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Bà H: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 2, ấp H1, xã Đ1, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 30-6-2022); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 51, tổ 6, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Ông N1: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985;

cư trú tại: Tổ 2, ấp H1, xã Đ1, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 30-6-2022); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn bà Hồ Kim D và người đại diện hợp pháp của Bà D, Anh Đặng Văn T trình bày: Do quen biết và nhà ở gần nhau nên từ trước đến nay giữa Bà Hồ Kim D và Bà Lê Thị H có vay mượn tiền nhau nhiều lần, các lần vay tiền trước đây Bà H đã trả đầy đủ cho Bà D. Ngày 10-12-2021 (al), Bà H và chồng là Ông Nguyễn Văn N1 đến nhà Bà D tiếp tục vay số tiền 500.000.000 đồng để sang nhượng đất, thỏa thuận khi nào Bà D cần sử dụng số tiền trên thì Bà H, Ông N1 trả lại; Bà D trực tiếp giao số tiền 500.000.000 đồng cho Bà H, Ông N1 nhận và ký, viết tên vào giấy vay tiền.

Bà D khởi kiện yêu cầu Bà H trả số tiền vay 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu Ông N1 cùng Bà H trả số tiền vay cho bà.

Bị đơn Bà Lê Thị H, người đại diện hợp pháp của Bà H, Anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Anh L xác định Bà H có vay tiền nhưng không đúng như Bà D trình bày. Ngày 10 nhưng không nhớ tháng mấy của năm 2020, Bà H có vay tiền của Bà D 03 lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất: Vay 30.000.000 đồng; lần thứ hai vay 20.000.000 đồng và lần thứ ba vay 20.000.000 đồng cách lần vay thứ nhất khoảng 01 tháng; tất cả các lần vay đều không ghi giấy nợ; lãi suất thỏa thuận 07%/ tháng; số tiền này Bà H nhận tại nhà Bà D, mục đích vay tiền để cho em Bà H vay lại nên không cho Ông N1 biết. Sau đó, Bà D ghi giấy nợ tổng cộng số tiền 70.000.000 đồng đưa cho Bà H ký tên, do Bà H vay tiền nhưng không đóng tiền lãi cũng không trả nợ gốc, nên đến năm 2021, Bà H trả cho Bà D số tiền vay 50.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng, khoảng 01 tháng sau Bà H tiếp tục trả cho Bà D 20.000.000 đồng. Tháng 3-2022, Ông N1 sang nhượng đất, nên Bà H đem 50.000.000 đồng đến trả cho Bà D coi như đóng tiền lãi. Tổng cộng Bà H trả tiền vay và tiền lãi 120.000.000 đồng tại nhà Bà D, khi trả nợ chỉ có Bà H, Bà D biết.

Đối với giấy nợ 500.000.000 đồng, theo đơn khởi kiện của Bà D đối với Bà H là không đúng, vì ngày tháng năm Bà H không nhớ, Bà D yêu cầu Bà H qua nhà và đưa tờ giấy trắng không ghi nội dung, phía dưới có chữ ký của Ông Nguyễn Văn N1, Bà D giải thích đưa tờ giấy này cho Ông N1 ký tên rồi và yêu cầu Bà H ký tên vào để Bà D sang giấy nợ 70.000.000 đồng mà Bà H đã ký tên trước đó và hủy bỏ giấy nợ 70.000.000 đồng, Bà H tin tưởng nên ký tên vào giấy nợ. Do đó, số tiền 500.000.000 đồng là do Bà D ghi vào tờ giấy trắng sau khi Bà H, Ông N1 đã ký tên trước đó. Bà H xác định không còn nợ tiền nên không đồng ý trả 500.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của Bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn N1, người đại diện hợp pháp của Ông N1, Anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Ông N1, Bà H là vợ chồng. Ông N1 không nhớ rõ ngày, tháng, năm 2021, Bà D có đến nhà cầm theo quyển tập 100 trang, nói với Ông N1: Sáu ơi, ký giùm tôi giấy này, Ông N1 hỏi ký giấy gì thì

được Bà D giải thích, anh Sang là em bà con với bà công tác bên thủy nông, do bận công việc nên nhờ bà đưa cho Ông N1 ký giấy để lấy nước về phục vụ trồng ruộng lúa. Bà D đưa cho Ông N1 tờ giấy trắng không ghi chữ, cũng không có chữ ký của Bà H, nên Ông N1 hỏi Bà D, chị đưa tôi tờ giấy trắng yêu cầu tôi ký tên, sau này chị thưa tôi ở tù thì sao, thì được Bà D trả lời, chị em trong nhà ai làm như vậy. Ông N1 tin tưởng nên ký tên vào giấy trắng không ghi nội dung. Sau đó, Bà D ghi nội dung mượn tiền vào sau khi Ông N1 ký tên và khởi kiện Bà H nợ số tiền 500.000.000 đồng. Ông N1 xác định, Bà H không nợ Bà D số tiền nào như đã trình bày, nên Bà H không đồng ý trả 500.000.000 đồng theo như yêu cầu của Bà D là đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 160, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hồ Kim D đối với Bà Lê Thị H về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho Bà Hồ Kim D số tiền còn nợ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Ghi nhận Bà Hồ Kim D không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu Ông Nguyễn Văn N1 cùng Bà H trả nợ cho Bà D.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 13-12-2022, Bà Lê Thị H kháng cáo cho rằng, bà không vay của Bà D số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Bà H cho rằng, Bà H không vay của Bà D 500.000.000 đồng theo giấy nợ, mà chỉ vay 70.000.000 đồng, nhưng đã trả xong tiền vay, tiền lãi 120.000.000 đồng; Bà D hiện nay còn vay tiền ngân hàng, nên không thể cho Bà H vay 500.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bà H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà D.

Người đại diện hợp pháp của Bà D đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà H không thừa nhận nợ Bà D số tiền 500.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Bà H xác định có nợ Bà D 500.000.000 đồng và đồng ý trả, nhưng sau đó Bà H chỉ thừa nhận có nợ Bà D

70.000.000 đồng, đã trả xong là mâu thuẫn trong lời khai. Bà H kháng cáo cho rằng không nợ Bà D 500.000.000 đồng, nhưng trong giấy nợ ngày 10-12-2021 Bà H, Ông N1 thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên của mình. Việc Bà H không thừa nhận nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị H kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 10-12-2021 âm lịch, bà Lê Thị H và Ông Nguyễn Văn N1 ký tên, ghi họ tên trên giấy vay của bà Dsố tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và cũng không hẹn thời gian trả nợ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Bà H, Ông N1 thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong giấy nợ ngày 10-12-2021 do Bà D cung cấp tại Tòa án là do ông bà ký tên và viết họ tên của mình (BL số 22, 51); Bà H thừa nhận có nợ Bà D số tiền 500.000.000 đồng chưa trả và đồng ý một mình trả số tiền này. Sau khi ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án, Bà H lúc này không thừa nhận có nợ Bà D 500.000.000 đồng như các lời khai trước đó. Bà H và người đại diện hợp pháp của bà chỉ thừa nhận có nợ Bà D 70.000.000 đồng, nhưng trả tiền vay, tiền lãi 120.000.000 đồng, nên Bà H không còn nợ Bà D số tiền nào, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

[4] Xét lời khai của người đại diện hợp pháp của Ông N1, Bà H cho rằng, năm 2021 nhưng không nhớ ngày, tháng cụ thể, Bà D đưa tờ giấy trắng và yêu cầu Ông N1, Bà H ký tên, ghi họ tên vào, sau đó Bà D mới ghi nội dung Ông N1, Bà H vay 500.000.000 đồng là không có cơ sở, bởi vì Ông N1, Bà H là người biết chữ, có đầy đủ nhận thức khi thực hiện hành vi của mình và có quyền từ chối ký tên vào tờ giấy trắng khi Bà D chưa ghi nội dung đầy đủ như người đại diện bị đơn trình bày; do đó Bà H, người đại diện hợp pháp của Bà H cho rằng không nợ Bà D 500.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 10-12-2021, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét thấy tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Bà D không yêu cầu Bà H trả tiền lãi và không yêu cầu Ông N1 cùng Bà H trả số tiền còn nợ 500.000.000 đồng cho Bà D là tự nguyện, nên ghi nhận.

[6] Bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của Bà D, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bà H phù hợp với

nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của Bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 5.000.000 đồng; ghi nhận Bà H đã nộp và chi phí xong.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 148, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hồ Kim D đối với Bà Lê Thị H về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc Bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ghi nhận Bà Hồ Kim D không yêu cầu Bà Lê Thị H trả tiền lãi và không yêu cầu Ông Nguyễn Văn N1 cùng Bà H trả số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bà Hồ Kim D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà Lê Thị H chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng Bà H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chi phí giám định; ghi nhận Bà H đã nộp và thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0012897 ngày 15-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh; Bà H nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành

án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Trần Quốc Vũ